

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 22/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28204600680	Lê Tuyết	Anh	04/05/2004	Đà Nẵng	31CBN5	7.7	5.0	Đạt	
2	29206138485	Trần Thị Hồng	Anh	22/12/2005	Quảng Nam	31CBN4	5.0	5.3	Đạt	
3	27205442386	Nguyễn Ngọc Thanh	Cầm	07/05/2003	Phú Yên	31CYC4	7.0	5.8	Đạt	
4	28204403220	Hồ Quỳnh Minh	Châu	23/10/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	9.7	9.0	Đạt	
5	29203450296	Nguyễn Thị Thành	Danh	07/07/2005	Bình Định	31CBN4	5.7	3.6	Không Đạt	
6	27211334636	Lê Văn	Đạt	11/08/2003	Quảng Nam	30TYC11	4.0	6.8	Không Đạt	
7	27212243749	Phan Tiến	Đạt	14/10/2003	Gia Lai	30TSC14	6.3	4.3	Không Đạt	
8	29207164969	Đinh Thị Mỹ	Đoan	31/03/2005	Phú Yên	31CBN4	6.0	6.0	Đạt	
9	27211344961	Nguyễn Minh	Dũ	29/10/2003	Phú Yên	30CSC9	6.7	3.0	Không Đạt	
10	27211340367	Lê Huỳnh	Đức	13/01/2003	Quảng Ngãi	31THT10	9.0	6.3	Đạt	
11	29204626061	Nguyễn Thị Phương	Dung	13/09/2005	Đà Nẵng	31CBN5	V	V	Không Đạt	
12	28206503746	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	13/04/2004	Quảng Trị	30THT7	5.7	5.0	Đạt	
13	28204522875	Phan Hương	Giang	16/11/2004	Quảng Nam	31CBN5	6.3	5.0	Đạt	
14	28204453988	Trần Thị Thanh	Hằng	19/12/2004	Quảng Nam	31CYC4	8.0	5.8	Đạt	
15	27215351495	Nguyễn Đình	Hiển	07/08/2003	Bắc Giang	31CBN5	V	V	Không Đạt	
16	28204406625	Huỳnh Thị Lệ	Hoa	16/01/2004	Quảng Nam	31CYC4	5.7	8.3	Đạt	
17	28204138193	Lê Thị Huyền	Hoa	04/02/2004	Quảng Nam	31THT10	7.3	8.3	Đạt	
18	27215201979	Nguyễn Huy	Hoàng	11/10/2003	Quảng Bình	31THT10	4.3	5.8	Không Đạt	
19	28207100730	Huỳnh Thị Hồng	Huế	24/04/2004	Bình Định	31CBN3	6.3	6.4	Đạt	
20	28217354762	Nguyễn Sỹ Tuấn	Hùng	10/10/2001	Hà Nội	31CYC4	6.7	10.0	Đạt	
21	27215402433	Nguyễn Phước Thái	Hưng	30/01/2003	Huế	31CYC4	4.7	7.3	Không Đạt	
22	27217140939	Lê Tấn	Huy	20/10/2003	Quảng Nam	31CBN5	5.7	9.0	Đạt	
23	27215345892	Phan Văn	Khởi	24/05/2003	Quảng Nam	31CYC4	7.0	9.0	Đạt	
24	29206640894	Trần Thị Thanh	Kiều	09/07/2005	Bình Định	31CYC4	8.3	6.3	Đạt	
25	28207242241	Lương Thị Tuyết	Kim	14/11/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	8.3	9.0	Đạt	
26	28207146176	Nguyễn Nhật Thanh	Lam	08/08/2004	Kon Tum	31CBN3	5.7	4.0	Không Đạt	
27	28214600843	Huỳnh Văn	Lâm	02/12/2004	Quảng Nam	31CBN4	6.7	2.0	Không Đạt	
28	27202430941	Lê Ngọc Trúc	Lâm	05/12/2003	Quảng Trị	30TYC9	5.3	5.3	Đạt	
29	27205450349	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	02/06/2003	Đắk Lắk	31THT10	3.3	5.8	Không Đạt	
30	27214737716	Nguyễn Văn	Lãnh	14/05/2003	Quảng Bình	31CSC3	8.0	5.0	Đạt	
31	27205241924	Đỗ Thị Bích	Lệ	10/03/2003	Bình Định	31CBN4	V	V	Không Đạt	
32	27208600181	Đỗ Khánh	Linh	02/09/2003	Đắk Lắk	30TYC11	7.3	6.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204503085	Nguyễn Thị Yến	Linh	31/08/2004	Quảng Nam	31CBN4	9.0	5.9	Đạt	
34	27213801199	Phan Thùy	Linh	23/09/2003	Đắk Lắk	30TYC11	5.3	5.0	Đạt	
35	28204403413	Bùi Thị Kiều	Loan	06/02/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	7.3	5.5	Đạt	
36	28214602433	Phạm Thị Như	Lợi	20/07/2004	Quảng Nam	31CBN4	8.7	5.5	Đạt	
37	28204401324	Hứa Gia	Mẫn	06/11/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	8.7	7.0	Đạt	
38	29204651630	Lưu Thị Diễm	Mi	03/10/2005	Đà Nẵng	31THT10	9.7	10.0	Đạt	
39	27211342753	Hồ Văn	Minh	11/09/2003	Đà Nẵng	31THT10	9.0	4.5	Không Đạt	
40	29207345475	Lê Thị Trà	My	01/10/2005	Quảng Bình	31CYC4	7.7	5.5	Đạt	
41	27202101025	Nguyễn Thị Thu	My	03/02/2003	Quảng Ngãi	30SBN3	2.7	5.3	Không Đạt	
42	29204659507	Nguyễn Thị Xuân	My	07/10/2005	Quảng Nam	31THT10	8.7	4.0	Không Đạt	
43	28206206520	Nguyễn Thái Hà	Na	30/04/2004	Quảng Nam	31CYC4	9.7	8.0	Đạt	
44	27211300981	Đoàn Mạnh	Nam	26/08/2003	Quảng Ngãi	31THT10	7.0	3.8	Không Đạt	
45	29204622607	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	02/01/2005	Phú Yên	31THT10	7.3	5.5	Đạt	
46	27205435338	Nguyễn Lê Khánh	Ngân	03/12/2003	Quảng Nam	31CBN5	9.7	7.3	Đạt	
47	27212654025	Nguyễn Hàn Phương	Nghi	10/08/2003	Quảng Nam	30CSC3	6.7	3.6	Không Đạt	
48	27205401064	Nguyễn Lê Ngọc	Ngọc	10/08/2003	Đà Nẵng	31CYC4	6.3	7.0	Đạt	
49	28209350282	Phạm Bảo	Ngọc	27/05/2003	Đà Nẵng	31CBN5	V	V	Không Đạt	
50	29215044545	Phan Đoàn	Ngọc	29/04/2004	Hà Tĩnh	31CBN4	8.7	9.3	Đạt	
51	29213540652	Cáp Hải Minh	Nguyên	21/04/2005	Quảng Trị	31CBN4	7.3	6.5	Đạt	
52	28206500555	Trác Thị Lệ	Nguyên	01/12/2004	Quảng Ngãi	31THT10	9.7	9.0	Đạt	
53	27205450460	Trần Thị Gia	Nguyên	14/12/2002	Gia Lai	31CBN5	7.7	8.0	Đạt	
54	27205444233	Lê Thị Thanh	Nhân	05/10/2003	Đắk Lắk	31CYC4	9.7	9.0	Đạt	
55	27205300407	Đặng Ngô Vũ	Nhi	01/07/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	8.7	8.0	Đạt	
56	29214151089	Đỗ Thị Thúy	Nhi	04/08/2005	Đắk Lắk	31CBN5	7.7	2.5	Không Đạt	
57	28206551037	Mai Hoàng Tuyết	Nhi	05/01/2004	Quảng Trị	31THT10	9.0	5.5	Đạt	
58	27205431644	Võ Quỳnh	Nhi	21/11/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	7.3	6.3	Đạt	
59	28206539542	Đặng Thị Quỳnh	Như	23/09/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	8.7	6.8	Đạt	
60	29204333528	Trần Thị Hoàng	Ni	21/03/2005	Đà Nẵng	31SYC3	6.7	6.0	Đạt	
61	28210204329	Nguyễn Thanh	Pháp	21/02/2004	Quảng Ngãi	31THT10	9.0	6.3	Đạt	
62	24215316388	Võ Tấn	Phát	16/11/2000	Bình Định	31TYC6	V	V	Không Đạt	
63	27211653290	Lý Trường	Phúc	30/08/2003	Quảng Ngãi	31THT10	8.0	5.5	Đạt	
64	28214304515	Lê Việt	Quang	09/08/2004	Bình Định	31CBN5	9.0	8.0	Đạt	
65	27211748874	Nguyễn Ngọc	Quang	12/06/2003	Quảng Nam	31THT10	7.7	5.3	Đạt	
66	29212354240	Nguyễn Mai Anh	Quốc	26/10/2005	Gia Lai	31CBN4	5.7	5.1	Đạt	
67	27205227181	Trần Thảo	Quyên	19/04/2003	Phú Yên	31CBN4	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	30212330337	Nguyễn Công Thiên	Son	06/05/2006	Quảng Trị	31CBN4	6.0	7.5	Đạt	
69	27202543823	Phan Thị Thu	Sương	15/07/2003	Bình Định	31THT10	7.0	3.9	Không Đạt	
70	29206532065	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	09/12/2005	Quảng Nam	31SYC3	6.0	5.0	Đạt	
71	28214302119	Lê Quốc	Tấn	24/05/2004	Quảng Nam	31CBN5	6.7	5.0	Đạt	
72	29217456321	Hồ Thanh	Thắng	03/05/2005	Đắk Lắk	31CBN4	7.3	5.6	Đạt	
73	29207154252	Lê Thị Hoài	Thanh	11/05/2002	Quảng Bình	31CBN4	4.3	6.0	Không Đạt	
74	27212253018	Nguyễn Lê Diệu	Thanh	02/05/2003	Đà Nẵng	31THT10	9.0	3.8	Không Đạt	
75	29206551037	Nguyễn Thị Thương	Thanh	12/08/2005	Quảng Ngãi	31CYC4	7.3	6.0	Đạt	
76	28204725039	Đoàn Thị Kim	Thảo	21/02/2004	Quảng Nam	31CBN5	8.3	9.5	Đạt	
77	29204145141	Lê Phương	Thảo	15/02/2005	Quảng Nam	31CBN5	5.7	1.8	Không Đạt	
78	28206502295	Nguyễn Thanh	Thảo	20/09/2004	Thanh Hóa	31THT10	5.0	4.4	Không Đạt	
79	29206153154	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/03/2005	Quảng Trị	31CYC4	5.7	5.3	Đạt	
80	27205234591	Chế Trần	Thi	13/08/2003	Phú Yên	31CBN4	V	V	Không Đạt	
81	27205426444	Đinh Phạm Uyên	Thi	07/01/2003	Gia Lai	31THT10	7.0	6.3	Đạt	
82	27215431296	Nguyễn Bùi Hòa	Thịnh	20/02/2003	Phú Yên	31CYC4	8.3	8.3	Đạt	
83	29218457241	Trịnh Quang	Thịnh	30/12/2005	Quảng Nam	31CYC4	7.7	4.1	Không Đạt	
84	27205436618	Lê Thị Hồng	Thơm	13/08/2003	Lâm Đồng	31CBN5	9.3	9.0	Đạt	
85	28206602838	Hồ Thị Lệ	Thu	14/04/2003	Gia Lai	31THT10	7.7	6.5	Đạt	
86	29203564806	Nguyễn Thị Kim	Thùy	04/08/2005	Quảng Ngãi	31CBN4	4.3	6.5	Không Đạt	
87	28216234199	Nguyễn Thị Anh	Thy	05/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN4	4.7	5.8	Không Đạt	
88	29203465704	Tạ Hiền	Thy	28/10/2005	Lâm Đồng	31CBN4	8.0	6.3	Đạt	
89	27208601880	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	09/12/2003	Đắk Lắk	31CSC1	8.7	4.1	Không Đạt	
90	27215422798	Đào Việt	Tiến	07/04/2003	Đắk Lắk	31CBN5	8.7	7.4	Đạt	
91	28214554930	Ngô Quang	Tính	04/02/2001	Quảng Nam	31CBN4	8.0	8.8	Đạt	
92	28209425134	Mai Nguyễn Huyền	Trân	10/01/2004	Quảng Ngãi	31THT10	7.0	9.0	Đạt	
93	29208120932	Đoàn Thị Huyền	Trang	05/09/2005	Quảng Bình	31CYC4	10.0	7.3	Đạt	
94	27215449744	Hoàng Trọng Thiên	Trí	12/11/2003	Quảng Bình	31CBN4	7.7	5.8	Đạt	
95	29212539158	Phạm Viết	Trí	06/09/2005	Quảng Nam	31CBN4	6.0	5.0	Đạt	
96	29204658504	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trinh	02/08/2005	Khánh Hòa	31THT10	6.7	7.3	Đạt	
97	28214354705	Đặng Thành	Trung	26/10/2004	Nghệ An	31CBN5	3.7	3.0	Không Đạt	
98	27211301915	Nguyễn Văn	Trường	24/01/2003	Đà Nẵng	31THT10	4.7	3.8	Không Đạt	
99	28214852959	Phạm Nguyễn Quang	Trường	29/02/2004	Quảng Nam	31CBN5	6.7	8.5	Đạt	
100	27215439556	Lại Minh	Tuấn	22/12/2003	Lâm Đồng	31CYC4	4.0	8.0	Không Đạt	
101	25215307124	Đỗ Phú Quốc	Việt	22/01/2000	Quảng Nam	31CYC4	V	V	Không Đạt	
102	28219305999	Nguyễn Quốc	Việt	31/10/2004	Quảng Nam	31CBN5	5.3	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	27215400291	Huỳnh Quốc	Vương	14/12/2003	Quảng Nam	31CBN5	7.0	8.5	Đạt	
104	29208138083	Bùi Thị Hải	Yến	10/09/2005	Quảng Nam	31CBN4	9.7	6.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh